

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 28





# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Kon Tum trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Kon Tum theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc “Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum”.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6100146571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 1999, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 05 ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Tổng Giám đốc thành Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 05 tháng 12 năm 2019 là: 12.103.300.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm lẻ ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: KON TUM UREN JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: KON TUM UREN JSC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã KTU.

Công ty đã có Công văn số 34/CV-CBTT ngày 13/10/2020 về việc công bố thông tin hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum. Lý do: theo Quyết định số 545/QĐ-SGDHN ngày 08/10/2020 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch
	Ông Trần Quốc Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Phan Đình Việt	Thành viên
	Ông Hoàng Văn Danh	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Cảnh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Minh Tấn	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Võ Thị Năm	Trưởng ban kiểm soát
	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên ban kiểm soát
	Ông Trương Trung Kiên	Thành viên ban kiểm soát

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Văn Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Kon Tum, ngày 29 tháng 3 năm 2021



Số: 150/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của  
Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Kon Tum

Kính gửi:            **Các cổ đông**  
                         **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
                         **Công ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Kon Tum**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Kon Tum, được lập ngày 29/3/2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Mai Hoa

**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 18/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 01/9/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Vũ Xuân Hùng

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>25.576.196.316</b>	<b>23.690.336.472</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.038.766.005</b>	<b>12.891.088.486</b>
1. Tiền	111		4.038.766.005	7.884.677.527
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	5.006.410.959
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.715.018.240</b>	<b>10.071.990.199</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	17.916.970.600	9.132.061.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.031.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.531.257.640	1.704.138.587
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(764.210.000)	(764.210.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>589.861.397</b>	<b>478.089.260</b>
1. Hàng tồn kho	141		589.861.397	478.089.260
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>232.550.674</b>	<b>249.168.527</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	11.383.338	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	221.167.336	249.168.527
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.109.431.436</b>	<b>5.006.782.800</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.134.407.500</b>	<b>4.481.431.796</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	4.134.407.500	4.471.209.552
- Nguyên giá	222		18.420.716.960	17.645.989.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.286.309.460)	(13.174.780.136)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	10.222.244
- Nguyên giá	228		96.000.000	96.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(96.000.000)	(85.777.756)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>975.023.936</b>	<b>525.351.004</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	975.023.936	525.351.004
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>30.685.627.752</b>	<b>28.697.119.272</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

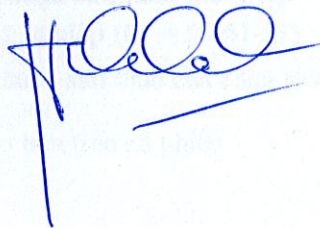
Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.110.646.505</b>	<b>7.253.785.545</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.110.646.505</b>	<b>7.253.785.545</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	736.816.580	1.710.496.610
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.574.189.747	1.052.510.817
4. Phải trả người lao động	314		3.992.744.000	3.219.021.412
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	135.698.902	534.666.733
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	-	187.023.350
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		671.197.276	550.066.623
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>23.574.981.247</b>	<b>21.443.333.727</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>23.574.981.247</b>	<b>21.443.333.727</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.103.300.000	12.103.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.103.300.000	12.103.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.500.000.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		158.819.660	2.652.585.060
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.812.861.587	6.687.448.667
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.812.861.587	6.687.448.667
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>30.685.627.752</b>	<b>28.697.119.272</b>

Kon Tum, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập



Hoàng Văn Danh

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Tường

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hải



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	75.829.815.357	74.292.311.252
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		75.829.815.357	74.292.311.252
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	61.820.788.460	60.039.871.642
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.009.026.897	14.252.439.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	940.955.566	817.129.076
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.18	684.974.255	791.571.741
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.18	6.514.891.146	6.667.088.502
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		7.750.117.062	7.610.908.443
12. Thu nhập khác	31	5.19	219.237.578	220.909.091
13. Chi phí khác	32	5.19	53.831.158	81.342.405
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.19	165.406.420	139.566.686
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		7.915.523.482	7.750.475.129
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	1.102.661.895	1.063.026.462
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.812.861.587	6.687.448.667
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		6.812.861.587	6.687.448.667
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	5.629,00	4.258,00


Kon Tum, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập



Hoàng Văn Danh

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Tường

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hải



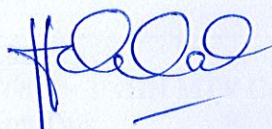
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.915.523.482	7.750.475.129
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.121.751.568	1.418.425.707
- Các khoản dự phòng	03		-	764.210.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(940.955.566)	(976.370.694)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.096.319.484	8.956.740.142
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.934.026.850)	(4.297.177.415)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(111.772.137)	(47.431.144)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		888.270.477	1.608.907.852
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(461.056.270)	(127.931.706)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(951.034.118)	(905.182.676)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.635.957.531)	(1.793.622.949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.109.256.945)	3.394.302.104
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.645.727.272)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	218.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(48.571.940.037)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	48.571.940.037
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		940.955.566	807.140.489
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.704.771.706)	1.025.322.307
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.038.293.830)	(3.851.395.529)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.038.293.830)	(3.851.395.529)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(7.852.322.481)	568.228.882
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.891.088.486	12.322.859.604
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		5.038.766.005	12.891.088.486

Người lập



Hoàng Văn Danh

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Tường

Kon Tum, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hải



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6100146571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 1999, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 05 ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Tổng Giám đốc thành Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 05 tháng 12 năm 2019 là: 12.103.300.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm lẻ ba triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: KON TUM UREN JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: KON TUM UREN JSC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã KTU.

Công ty đã có Công văn số 34/CV-CBTT ngày 13/10/2020 về việc công bố thông tin hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum. Lý do: theo Quyết định số 545/QĐ-SGDHN ngày 08/10/2020 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Số lao động bình quân trong năm 2020 là 298 người (năm 2019 là 306 người)

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; Xây dựng công trình công ích khác;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị.

#### 1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có một công ty con như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum	Cung ứng dịch vụ	100%	100%



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ngoại trừ hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại thuyết minh "Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính".

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa công ty con và Công ty.



# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty vẫn hợp nhất Báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty con này vào Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo của Công ty theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### Công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum về việc "thành lập Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum".

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 6101266208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2020, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 01 ngày 08 tháng 05 năm 2020 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 2.000.000.000 đồng lên 4.500.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 ngày 08 tháng 05 năm 2020 là: 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: KON TUM URBAN CONSTRUCTION ONE – MEMBER COMPANY LIMITED.

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, thu gom rác, duy tu sửa chữa các công trình công ích, chăm sóc cây xanh, quản lý vận hành điện công lộ, quản trang.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum, Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 06/01/2020 đến ngày 31/12/2020 của Công ty con của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên/ tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.





4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm kế toán ASIA ENTERPRISE được khấu hao theo đường thẳng trong thời gian 3 năm; Phần mềm quản lý thu phí vệ sinh khấu hao 03 năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 02 đến 03 năm.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở Kết quả kinh doanh hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Kon Tum nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

010  
ĐNG  
TNI  
EM  
AV  
ỔH



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.450.773.327	293.550.611
Tiền gửi ngân hàng	1.587.992.678	7.591.126.916
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	5.006.410.959
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.000.000.000	5.006.410.959
<b>Tổng</b>	<b>5.038.766.005</b>	<b>12.891.088.486</b>

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>17.916.970.600</b>	<b>9.132.061.612</b>
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Kon Tum	16.864.254.000	8.118.514.612
Phòng Tài chính kế hoạch Thành phố Kon Tum	758.560.000	758.560.000
Phải thu các đối tượng khác	294.156.600	254.987.000
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>17.916.970.600</b>	<b>9.132.061.612</b>

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.031.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	681.000.000	-
Cửa hàng điện máy tổng hợp Việt Đức	350.000.000	-
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>1.031.000.000</b>	<b>-</b>

**5.4 Phải thu khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.531.257.640</b>	<b>(5.650.000)</b>	<b>1.704.138.587</b>	<b>(5.650.000)</b>
- Ký cược, ký quỹ	67.243.000	-	-	-
- Tạm ứng	1.452.000.000	-	1.688.500.000	-
- Phải thu khác	12.014.640	(5.650.000)	15.638.587	(5.650.000)
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>1.531.257.640</b>	<b>(5.650.000)</b>	<b>1.704.138.587</b>	<b>(5.650.000)</b>

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.5 Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu khách hàng</i>	758.560.000	-	758.560.000	-
Phòng Tài chính kế hoạch Thành phố Kon Tum	758.560.000	-	758.560.000	-
<i>Phải thu khác</i>	5.650.000	-	5.650.000	-
<b>Tổng</b>	<b>764.210.000</b>	<b>-</b>	<b>764.210.000</b>	<b>-</b>

Trong đó:

	Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Phòng Tài chính kế hoạch Thành phố Kon Tum				758.560.000
Phải thu khác				5.650.000
<b>Tổng</b>				<b>764.210.000</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	532.172.852	-	436.447.097	-
Công cụ, dụng cụ	57.688.545	-	40.334.627	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.307.536	-
<b>Tổng</b>	<b>589.861.397</b>	<b>-</b>	<b>478.089.260</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.383.338</b>	<b>-</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ	11.383.338	-
<b>Dài hạn</b>	<b>975.023.936</b>	<b>525.351.004</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ	975.023.936	525.351.004
<b>Tổng</b>	<b>986.407.274</b>	<b>525.351.004</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2020	2.939.500.144	14.641.489.544	65.000.000	17.645.989.688
Tăng trong năm	-	774.727.272	-	774.727.272
Mua trong năm	-	774.727.272	-	774.727.272
Số dư tại 31/12/2020	2.939.500.144	15.416.216.816	65.000.000	18.420.716.960
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2020	2.580.615.773	10.529.164.363	65.000.000	13.174.780.136
Tăng trong năm	50.303.834	1.061.225.490	-	1.111.529.324
Khấu hao trong năm	50.303.834	1.061.225.490	-	1.111.529.324
Số dư tại 31/12/2020	2.630.919.607	11.590.389.853	65.000.000	14.286.309.460
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2020	358.884.371	4.112.325.181	-	4.471.209.552
Tại 31/12/2020	308.580.537	3.825.826.963	-	4.134.407.500

**Trong đó:**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 giá trị là 10.142.399.144 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 giá trị là 10.095.072.776 đồng





**5.9 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm quản lý thu phí vệ sinh		Phần mềm kế toán	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2020	46.000.000		50.000.000	96.000.000
Số dư tại 31/12/2020	46.000.000		50.000.000	96.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2020	35.777.756		50.000.000	85.777.756
Tăng trong năm	10.222.244		-	10.222.244
Khấu hao trong năm	10.222.244		-	10.222.244
Số dư tại 31/12/2020	46.000.000		50.000.000	96.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2020	10.222.244		-	10.222.244
Tại 31/12/2020	-		-	-

**5.10 Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>736.816.580</b>	<b>736.816.580</b>	<b>1.710.496.610</b>	<b>1.710.496.610</b>
Doanh nghiệp tư nhân Việt Tường	-	-	162.716.010	162.716.010
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	-	-	1.190.000.000	1.190.000.000
Bùi Thanh Hậu	-	-	195.700.000	195.700.000
Cơ sở Vinh Duy	-	-	100.389.000	100.389.000
Cơ sở vườn ươm cây cảnh Huy Hoàng	133.750.000	133.750.000	61.691.600	61.691.600
Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Kon Tum	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV xăng dầu Việt Tường	172.225.080	172.225.080	-	-
Cơ sở vườn ươm cây cảnh Huy Hoàng	127.179.000	127.179.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	303.662.500	303.662.500	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>736.816.580</b>	<b>736.816.580</b>	<b>1.710.496.610</b>	<b>1.710.496.610</b>

PHÓ H  
 KIỂM  
 T  
 C  
 N: O  
 C  
 N



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	'01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
<b>Phải nộp</b>	<b>1.052.510.817</b>	<b>5.229.093.245</b>	<b>4.707.414.315</b>	<b>1.574.189.747</b>
Thuế giá trị gia tăng	541.672.329	4.005.904.474	3.642.816.027	904.760.776
Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.382.411	1.109.624.601	951.034.118	356.972.894
Thuế thu nhập cá nhân	-	108.564.170	108.564.170	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	312.456.077	5.000.000	5.000.000	312.456.077
<b>Phải thu</b>	<b>249.168.527</b>	<b>31.161.391</b>	<b>3.160.200</b>	<b>221.167.336</b>
Thuế thu nhập cá nhân	26.179.458	17.610.770	-	8.568.688
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	222.989.069	13.550.621	3.160.200	212.598.648

**5.12 Phải trả khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>135.698.902</b>	<b>534.666.733</b>
Phải trả, phải nộp khác	135.698.902	534.666.733
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>135.698.902</b>	<b>534.666.733</b>

**5.13 Dự phòng phải trả**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>187.023.350</b>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	187.023.350
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>187.023.350</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.14 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>12.103.300.000</b>	-	<b>2.355.478.825</b>	<b>5.947.307.389</b>	<b>20.406.086.214</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.687.448.667	6.687.448.667
Giảm khác (Theo quyết định số 1574/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Kon Tum)	-	-	(259.134)	-	(259.134)
Trích lập các quỹ	-	-	297.365.369	(297.365.369)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban quản lý	-	-	-	(1.665.246.069)	(1.665.246.069)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(3.984.695.951)	(3.984.695.951)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>12.103.300.000</b>	-	<b>2.652.585.060</b>	<b>6.687.448.667</b>	<b>21.443.333.727</b>
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>12.103.300.000</b>	-	<b>2.652.585.060</b>	<b>6.687.448.667</b>	<b>21.443.333.727</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.812.861.587	6.812.861.587
Tăng khác (ii)	-	4.500.000.000	-	-	4.500.000.000
Trích lập các quỹ (i)	-	-	2.006.234.600	(2.006.234.600)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(1.364.239.528)	(1.364.239.528)
Trích quỹ thưởng ban quản lý (i)	-	-	-	(170.116.539)	(170.116.539)
Chia cổ tức cho cổ đông (i)	-	-	-	(3.146.858.000)	(3.146.858.000)
Giảm khác (Góp vốn vào công ty con) (ii)	-	-	(4.500.000.000)	-	(4.500.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>12.103.300.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>158.819.660</b>	<b>6.812.861.587</b>	<b>23.574.981.247</b>

(i): Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết số 62/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty như sau:

- + Chia cổ tức: 3.146.858.000 đồng
- + Trích Quỹ đầu tư phát triển: 2.006.234.600 đồng
- + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.364.239.528 đồng
- + Trích quỹ khen thưởng ban quản lý: 170.116.539 đồng

(ii): Công ty góp vốn vào Công ty con, Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum theo Quyết định số 88/QĐ-HĐQT và Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 7/5/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum, sử dụng từ nguồn quỹ đầu tư phát triển của Công ty.





**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Vốn nhà nước	3.631.180.000	3.631.180.000
Vốn các cổ đông khác	8.472.120.000	8.472.120.000
<b>Tổng</b>	<b>12.103.300.000</b>	<b>12.103.300.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	12.103.300.000	12.103.300.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	12.103.300.000	12.103.300.000
<b>Cổ tức và lợi nhuận đã chia</b>	<b>6.687.448.667</b>	<b>5.947.307.389</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.210.330	1.210.330
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.210.330	1.210.330
Cổ phiếu phổ thông	1.210.330	1.210.330
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.210.330	1.210.330
Cổ phiếu phổ thông	1.210.330	1.210.330
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	158.819.660	2.652.585.060

**5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.829.815.357	74.292.311.252
<b>Tổng</b>	<b>75.829.815.357</b>	<b>74.292.311.252</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.16 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	61.820.788.460	60.039.871.642
<b>Tổng</b>	<b>61.820.788.460</b>	<b>60.039.871.642</b>

**5.17 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	940.955.566	817.129.076
<b>Tổng</b>	<b>940.955.566</b>	<b>817.129.076</b>

**5.18 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>684.974.255</b>	<b>791.571.741</b>
Chi phí nhân viên	526.247.049	650.420.181
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	13.636.364	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.720.500	8.428.182
Chi phí bằng tiền khác	122.370.342	132.723.378
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>6.514.891.146</b>	<b>6.667.088.502</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.347.816.002	3.850.536.378
Chi phí vật liệu quản lý	106.577.261	67.721.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	188.020.024	78.990.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.526.078	221.977.088
Thuế phí và lệ phí	128.032.946	106.418.163
Chi phí dự phòng	-	764.210.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	578.646.604	190.692.857
Chi phí bằng tiền khác	1.105.272.231	1.386.542.948
<b>Tổng</b>	<b>7.199.865.401</b>	<b>7.458.660.243</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.19 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản	-	218.181.818
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	166.764.850	-
Các khoản thu nhập khác	52.472.728	2.727.273
<b>Tổng</b>	<b>219.237.578</b>	<b>220.909.091</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	48.951.613
Tiền truy thu, phạt chậm nộp thuế, BHXH	45.660.366	22.555.939
Các khoản chi phí khác	8.170.792	9.834.853
<b>Tổng</b>	<b>53.831.158</b>	<b>81.342.405</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>165.406.420</b>	<b>139.566.686</b>

**5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.915.523.482	7.750.475.129
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	53.831.158	23.936.247
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>53.831.158</i>	<i>23.936.247</i>
Thu nhập chịu thuế	7.969.354.640	7.774.411.376
Thu nhập được miễn thuế	93.198.250	2.459.279.066
Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	7.876.156.390	5.315.132.310
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi	1.575.231.278	1.063.026.462
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020	472.569.383	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.102.661.895</b>	<b>1.063.026.462</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6.812.861.587	6.687.448.667
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	1.534.356.067
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý (*)</i>	-	1.534.356.067
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>6.812.861.587</b>	<b>5.153.092.600</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.210.330	1.210.330
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>5.629,00</b>	<b>4.258,00</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 được trình bày lại do ảnh hưởng của Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận, thưởng ban quản lý năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 như trình bày tại thuyết minh số 5.14 - Thuyết minh báo cáo tài chính. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm 2019 từ 5.525 đồng/cổ phiếu xuống 4.258 đồng/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2019 VND (Trình bày lại)	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6.687.448.667	6.687.448.667
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	1.534.356.067	-
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý</i>	1.534.356.067	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>5.153.092.600</b>	<b>6.687.448.667</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.210.330	1.210.330
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.258,00</b>	<b>5.525,00</b>

**5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.243.974.999	15.645.034.430
Chi phí nhân công	37.680.327.958	37.162.253.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.121.751.568	1.418.425.707
Chi phí dự phòng	-	764.210.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.764.533.245	3.362.742.241
Chi phí khác bằng tiền	7.229.017.055	9.147.174.043
<b>Tổng</b>	<b>69.039.604.825</b>	<b>67.499.839.421</b>



**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, thù lao	1.426.200.000	1.287.666.667
<b>Tổng</b>		<b>1.426.200.000</b>	<b>1.287.666.667</b>

Trong đó:

**Tiền lương, Thù lao thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Phạm Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	43.200.000	43.200.000
Trần Quốc Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Phan Đình Việt	Thành viên HĐQT	43.200.000	43.200.000
Hoàng Văn Danh	Thành viên HĐQT	43.200.000	43.200.000

**Tiền lương, Thù lao Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Võ Thị Năm	Trưởng BKS	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Trương Trung Kiên	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000

**Tiền lương, thù lao Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc	204.000.000	204.000.000
Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	180.000.000
Trương Cảnh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	-
Trần Minh Tấn	Phó Tổng Giám đốc	135.000.000	-
Nguyễn Hữu Duyên	Phó Tổng Giám đốc	-	176.466.667
Phan Đình Vũ	Thư ký HĐQT	21.600.000	21.600.000
Nguyễn Công Tường	Kế toán trưởng	180.000.000	180.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**Người lập**

**Hoàng Văn Danh**

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Công Tường**

*Kon Tum, ngày 29 tháng 3 năm 2021*  
**Tổng Giám đốc**

**Phạm Văn Hải**